



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN TIN THAN NGÀY

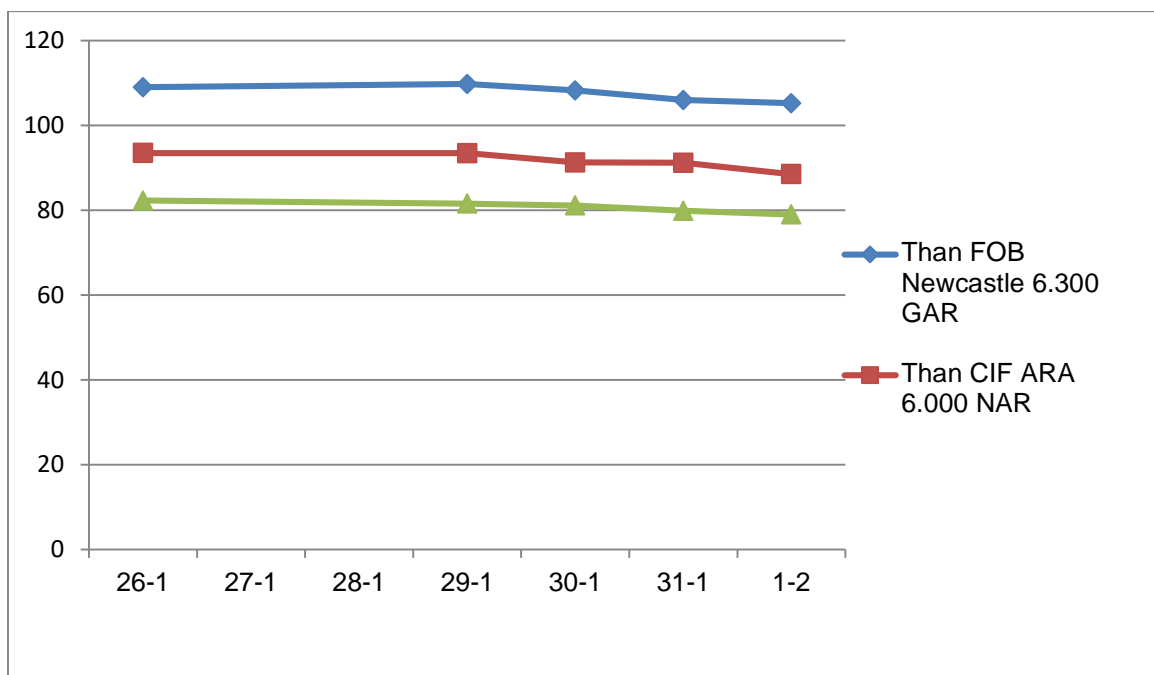
Ngày 02/02/2018

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	105,25	-0,75	105,00	-0,40
CIF ARA 6.000 NAR	88,50	-2,70	88,40	-2,70
FOB Richards Bay 5.500 NAR	79,00	-0,85	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	88,50	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	71,90	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	57,90	+0,20	424,82	+1,88
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	79,80	+0,00	585,49	+0,56
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	96,80	+0,80	710,23	+6,56

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 01/02/2018)

ĐIỂM TIN

Giá than Kalimantan 4.200 GAR chạm ngưỡng 50 USD/tấn

Trong ngày thứ 5 (1/2), giá than 4.200 GAR giao lẻ trên S&P Global Platts đã lên mức 50 USD/tấn, điều kiện FOB Kalimantan, nhờ nhu cầu của Trung Quốc tăng mạnh kết hợp với nguồn cung từ Indonesia khan hiếm do mưa. Đây là lần thứ 2 giá đạt mốc 50 USD/tấn kể từ tháng 11 năm 2016. Giá thầu mua than tại Trung Quốc hiện cũng đang tăng cao, nguyên nhân chính có thể do khách hàng tại đây đang thiếu hụt hàng hoặc lo ngại giá sẽ tiếp tục tăng. Trong khi đó 1 gói thầu mua than 3.800 NAR, 0,5% lưu huỳnh giao cuối tháng 2 đầu tháng 3 trên tàu Supramax có giá thầu là 50 – 50,2 USD/tấn FOB.

Nhu cầu mua than của các công ty điện Trung Quốc đã tăng lên do nhu cầu trước dịp Tết Nguyên đán, cộng với mức dự trữ chỉ đủ dùng trong khoảng 3 ngày của các nhà máy gần sông Dương Tử cũng như các tỉnh Hồ Nam và Hồ Bắc. Theo các công ty than Indonesia, sự bùng nổ giá hiện tại chỉ là tạm thời, chủ yếu là do triển vọng tăng giá của các nhà cung cấp và sự thiếu hụt trong ngắn hạn tại Trung Quốc. Thêm vào đó, mưa kéo dài đã gây trở ngại cho hoạt động sản xuất và lịch trình xếp hàng. Một số công ty khai thác vẫn đang gặp khó khăn trong việc giao đủ những đơn hàng còn tồn đọng, do đó không thể chào bán thêm trên thị trường giao lẻ. Một công ty Nam Ấn Độ cho biết 1 trong những tàu chở than của công ty này đã phải nằm chờ xếp hàng hơn 10 ngày và tình trạng chậm trễ này đang xảy ra trên diện rộng.

Sản lượng than của Glencore trong năm 2017 đạt 120,6 triệu tấn

Theo đại diện của Glencore, sản lượng năm 2017 của công ty này đã đạt 120,6 triệu tấn, giảm 3% so với năm 2016. Trong năm 2017, Glencore đã cải thiện năng suất khai thác và nâng tỷ lệ cổ phần của mình tại một số mỏ, tuy nhiên những yếu tố trên không đủ để bù đắp thiệt hại do các cuộc đình công và thời tiết bất lợi mang lại. Trong tổng số 120 triệu tấn, 110,5 triệu tấn là than nhiệt, 6,1 triệu tấn than cốc và 4 triệu tấn là than bán mềm. Sản lượng than nhiệt xuất khẩu đạt 93 triệu tấn, giảm 2,5% so với năm 2016, trong đó sản lượng than xuất khẩu quý IV năm 2017 đạt 22,1 triệu tấn, giảm 3,1% so với quý trước đó và tăng 15,3% so với cùng kỳ năm 2016.

Trong số các mỏ than nhiệt để xuất khẩu của Glencore tại các nước, Australia chiếm 49,1 triệu tấn, Colombia chiếm 25,2 triệu tấn và 18,7 triệu tấn từ Nam Phi. Chi nhánh của Glencore tại Colombia, Prodeco đã khai thác được 14,6 triệu tấn than, giảm 16% so với năm 2016, nguyên nhân do tác động xấu từ mưa lớn kéo dài kết hợp với những hoạt động phục hồi do ảnh hưởng địa chất. Năm 2017, sản lượng của Glencore tại mỏ Colombian Cerrejon - nơi Glencore sở hữu 33,3% cổ phần - đạt 10,6 triệu tấn, tương đương với năm 2016. Tại đây giới hạn phát thải bụi được nói lỏng đã bù lại hoạt động khai thác bị gián đoạn mưa lớn gây ra.

Các công ty than Indonesia đề nghị hoãn thi hành chính sách sử dụng dịch vụ trong nước

Trong ngày 31/1, Hiệp hội Khai thác Than Indonesia (ICMA) đã đề xuất trì hoãn việc áp dụng chính sách mới, bắt buộc các công ty xuất khẩu than phải sử dụng dịch vụ vận tải và bảo hiểm trong nước để tránh gây tổn hại đến ngành khai thác than của Indonesia. Giám đốc điều hành ICMA, ông Hendra Sinadia đã cảnh báo quy định này, dự kiến có hiệu lực vào cuối tháng 4, có thể gây ra "gián đoạn" và "hỗn loạn" trong hoạt động sản xuất và kinh doanh than nhiệt. Mỗi tháng nước này xuất khẩu trung bình 30 triệu - 35 triệu tấn than, trong khi năng lực của đội tàu đang được gấn cờ Indonesia để xuất khẩu chỉ hơn 4 triệu tấn. Ông Sinadia cho biết, Indonesia đã xuất khẩu tổng cộng 355 triệu tấn than nhiệt vào năm 2017 và thương mại than chiếm gần 9% tổng giá trị xuất khẩu của Indonesia.

Hiện tại 95% khối lượng than xuất khẩu sử dụng tàu của nước ngoài và quy định mới có thể ảnh hưởng lớn đến khả năng cạnh tranh của than Indonesia trên thị trường. Đồng thời chính sách này cũng sẽ ảnh hưởng đến các hiệp định song phương, bao gồm các thỏa thuận hợp tác kinh tế toàn diện. Tuy nhiên các công ty xuất khẩu sẽ là những người bị ảnh hưởng nhiều nhất và khách hàng có thể sẽ rút lại các hợp đồng. Ngoài ra chính sách cũng chưa quy định rõ ràng về những bên được ưu

tiền sử dụng đội tàu trong nước. ICMA đề xuất chính phủ nên xem xét cho các nhà xuất khẩu một thời gian chuyển tiếp ít nhất là 2 năm.

(Nguồn: Platts)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	7,70	-0,10
	Queensland	Nhật Bản	8,90	-0,20
	New South Wales	Hàn Quốc	9,40	-0,20
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,45	-0,15
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8,55	-0,15
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	12,65	-0,15
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	7,15	-0,15
	Úc	Trung Quốc	11,75	-0,20
	Úc	Ấn Độ	12,80	-0,20

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 01/02/2018)